

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2018/HS-PT

Ngày: 01/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Văn Luông;

- ***Các Thẩm phán:*** Ông Hoàng Huy Toàn;
Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:***
Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2018/TLPT-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1974, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Số 114B/2, khu phố 1B, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1947 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1947; bị cáo có vợ tên Phạm Thị L1, sinh năm 1977 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2015 đến ngày 24/6/2015 được trả tự do, bị bắt tạm giam lại vào ngày 07/4/2016 đến ngày 06/5/2016 được trả tự do. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 114B/2, khu phố 1B, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người có liên quan đến kháng cáo:

1. ***Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Phạm Văn V – Luật sư Công ty Luật Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. *Bị hại*: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn 15, xã D, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Tổ 24, khu phố C, phường E, thị xã F, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 24, khu phố C, phường E, thị xã F, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Ông Phạm Bá T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn 9, xã G, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Số 19/18, khu phố H, phường F, thị xã F, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*: Ông Trần Quang T – Luật sư Công ty Luật QT thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 42, đường I, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

5. *Người làm chứng*:

1. Bà Lê Thị Q, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 114B/2 Khu phố 1B, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Ông Trần Văn G, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 12/2A Khu phố 1B, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Nguyễn Trọng H có quan hệ buôn bán với nhau, ông Nguyễn Trọng H là người buôn chó sống và bán lại cho Nguyễn Văn T mổ thịt và bán lại cho các quán ăn. Quá trình giao nhận hàng, ông Nguyễn Trọng H nghi ngờ cân của Nguyễn Văn T không chính xác nên đến kiểm tra. Khoảng 03 giờ ngày 13/6/2015, ông Nguyễn Trọng H cùng người làm là Phạm Bá T trực tiếp đến cân chó cho Nguyễn Văn T tại quán của Nguyễn Văn T (khu phố 1B, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương). Sau khi cân đối chiếu giữa cân của ông Nguyễn Trọng H và cân của Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Trọng H phát hiện với mỗi mã hàng, cân của Nguyễn Văn T hụt 08 kg so với cân của ông Nguyễn Trọng H nên kêu Nguyễn Văn T buổi chiều xuống nhà ông Nguyễn Trọng H để nói chuyện, Nguyễn Văn T đồng ý. Chờ không thấy Nguyễn Văn T đến như đã hẹn nên khoảng 20 giờ ngày 14/6/2015, ông Nguyễn Trọng H mượn xe mô tô biển số 36B3-923.99 của Nguyễn Bá T đi đến quán của Nguyễn Văn T.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T khai nhận khi Nguyễn Trọng H đến nhà Nguyễn Văn T, thì Nguyễn Văn T cùng vợ là Phạm Thị L1 đang ngồi ăn cơm, Nguyễn Trọng H dừng xe tại sân nhà của Nguyễn Văn T và đi đến mâm cơm lấy nón bảo hiểm đập xuống bàn nhiều lần, sau đó ông Nguyễn Trọng H hất mâm cơm xuống đất và đập 01 xe mô tô và 02 máy khâu của Nguyễn Văn T. Đồng thời, Nguyễn Trọng H dùng chân đá vào người của Nguyễn Văn C là con trai của Nguyễn Văn T. Thấy vậy, vợ của Nguyễn Văn T là Phạm Thị L1 có lời qua tiếng

lại với Nguyễn Trọng H thì bị Nguyễn Trọng H dùng ghế nhựa đánh vào người. Bà Phạm Thị L1 bỏ chạy thì Nguyễn Trọng H nhặt một chiếc tô sành ném theo nhưng không trúng và tiếp tục cầm nón bảo hiểm đuổi theo bà Phạm Thị L1 để đánh. Thấy vợ, con bị đánh Nguyễn Văn T tức giận đứng dậy chạy đến bàn bán thịt chó gần đó lấy 01 con dao bằng kim loại (loại dùng chặt thịt chó dài 50 cm) đuổi theo nắm cổ áo Nguyễn Trọng H và chém một nhát vào vị trí vùng đầu sượt xuống cổ (sau gáy), Nguyễn Trọng H quay lại dùng mũ bảo hiểm giơ lên định đánh Nguyễn Văn T thì Nguyễn Văn T tiếp tục chém trúng vào tay trái Nguyễn Trọng H. Nguyễn Trọng H bỏ chạy ra ngoài và được đưa đi cấp cứu tại phòng khám đa khoa C, sau đó chuyển Bệnh viện M, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Văn T mang theo con dao chém Nguyễn Trọng H đến Công an phường C, thị xã T tự thú.

Tuy nhiên, quá trình điều tra bị hại Nguyễn Trọng H khai nhận, khi đến nhà Nguyễn Văn T thì Nguyễn Trọng H có đặt mạnh nón bảo hiểm lên bàn. Khi Nguyễn Trọng H và bà Phạm Thị L1 có lời qua tiếng lại thì Nguyễn Trọng H có dùng một chiếc tô sành ném vào bà Phạm Thị L1 nhưng không trúng. Ông Nguyễn Trọng H không dùng ghế nhựa đánh bà Phạm Thị L1 như Nguyễn Văn T khai. Ngay lúc đó, Nguyễn Văn T lấy 01 con dao đuổi chém Nguyễn Trọng H gây thương tích, gồm 03 nhát: 01 nhát trúng vào nách phải, 01 nhát trúng vùng đầu phía sau sượt xuống cổ, 01 nhát vào tay trái khi bị hại Nguyễn Trọng H đưa tay ra phía sau để đỡ vết thương ở đầu.

Căn cứ vào biên bản thực nghiệm điều tra theo lời khai của bị cáo và bị hại, biên bản đối chất giữa bị cáo với bị hại, giữa bị hại với bà Phạm Thị L1 và các tài liệu chứng cứ khác, có căn cứ xác định: Do có mâu thuẫn về việc cân gian thịt chó nên Nguyễn Trọng H đến nhà Nguyễn Văn T và có lời qua tiếng lại, xô xát nhau và Nguyễn Văn T dùng dao chém nhiều nhát gây thương tích ở vùng đầu, gáy, bàn tay và nách phải Nguyễn Trọng H với tỷ lệ thương tích 41%.

Tại Bản kết luận giám định số 181/2015/GDPY ngày 17/8/2015 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Dương kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do: Chấn thương đầu, vết thương cằm trái (4 x 1) cm, lành sẹo; vết thương vùng cổ dọc sau gáy 6 x 0,2cm, lành; vết thương nách phải (3 x 0,1) cm, lành; vết thương lòng bàn tay trái 10 x 0,3cm, đứt gân gấp nông sâu các ngón 1,2,3,4 lành. Hạn chế vận động các ngón 1,2,3,4; gãy xương bàn II tay trái, đứt mạch quay, hoại tử vùng mô cái và ngón I, đã phẫu thuật cắt lọc, cắt cụt ngón 1 + xương bàn 1, đắp vật da, lành. Tổng thương tích gây nên cho Nguyễn Trọng H là 41%.

Tại Công văn số 57/CV-TTPY ngày 25/4/2017 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Dương về việc tách tỷ lệ thương tích của đương sự Nguyễn Trọng H như sau:

1/ Vết thương nách phải (3x0,1) cm, lành. Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (một phần trăm).

2/ Các thương tích còn lại gồm:

- Chấn thương đầu, vết thương cằm trái (4x1) cm, lành sẹo.

- Vết thương vùng cổ dọc theo gáy (6x0,2) cm, sẹo lành.
- Vết thương lòng bàn tay trái (10x0,3) cm, đứt gân nông sâu các ngón 1,2,3,4, sẹo lành.

- Gãy xương bàn II tay trái, đứt mạch quay, hoại tử vùng mô cái và ngón 1, đã phẫu thuật cắt lọc, cắt cụt ngón 1 + xương bàn I, đắp vạt da, sẹo lành xấu.

Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 40% (bốn mươi phần trăm).

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của đương sự Nguyễn Trọng H do thương tích gây nên là 41% (bốn một phần trăm) theo bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 12/6/2014.

Tại Công văn số 64/CV ngày 18/5/2017 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Bình Dương về giám định cơ chế hình thành vết thương như sau:

- Vết thương nách phải (3x0,1) cm dọc theo đường nách trước, hướng từ trên xuống, bờ sắc gọn. Thương tích này có thể do vật sắc hoặc vật sắc nhọn (ví dụ: dao, mã tấu...) tác động gây ra.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 3 Điều 104; các điểm o, p, b, đ khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 15/6/2015 đến ngày 24/6/2015 và từ ngày 07/4/2016 đến ngày 06/5/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 31/01/2018, bị cáo kháng cáo, không đồng ý về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”. Việc bị hại Nguyễn Trọng H đến nhà bị cáo đánh vợ, con bị cáo, đập phá hủy hoại tài sản của gia đình bị cáo không được xem xét. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về tội danh, hình phạt cho bị cáo và xem xét các yêu cầu của bị cáo đối với hành vi đập phá hủy hoại tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật mà bị hại Nguyễn Trọng H đã gây ra cho gia đình bị cáo, theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/02/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị L1 có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu của bà Phạm Thị L1 đối với việc ông Nguyễn Trọng H đập phá, hủy hoại tài sản của gia đình bà Phạm Thị L1, mà Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, bị cáo kháng cáo trong thời gian quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm để xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là không phù hợp với diễn biến khách quan và không phù hợp với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương xác định: Khi mâu thuẫn xảy ra, bị cáo có đủ điều kiện để xử sự theo cách khác, nhưng bị cáo đã chọn cách dùng dao (loại dao dùng để chặt thịt chó dài 50cm) để chém bị hại hai nhát gây thương tích 40%. Như vậy, có cơ sở khẳng định rằng bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Bị hại thực hiện hành vi có lỗi, tinh thần bị cáo bị kích động nhưng không phải trường hợp kích động mạnh, bị cáo chưa đến mức không nhận thức được hành vi của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về yêu cầu xem xét hành vi đập phá, hủy hoại tài sản do bị hại Nguyễn Trọng H thực hiện: Tại văn bản số 35/TLĐ-CQĐT ngày 28/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã T đã khẳng định: Không có đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Trọng H có hành vi làm hư hỏng tài sản của gia đình bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có cơ sở gì để chứng minh cho nội dung kháng cáo, không có cơ sở để xem xét.

Đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị L1 là người liên quan về trách nhiệm dân sự trong vụ án. Đối với nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị L1, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương nhận thấy, tại phiên tòa sơ thẩm bà không có yêu cầu nào gì về nội dung bà đã kháng cáo, không có cơ sở để xem xét yêu cầu của bà. Mặt khác, Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã T đã phát hành văn bản số 35/TLĐ-CQĐT ngày 28/11/2017, trả lời cụ thể vấn đề bà Phạm Thị L1 đã nêu, không có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Trọng H có hành vi đập phá tài sản của gia đình bị cáo và bà Phạm Thị L1.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo xác định bị cáo đã thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Bởi vì, khi đến nhà bị cáo, bị hại đã thực hiện một loạt hành vi trái quy định pháp luật, không không phù hợp với văn hóa người Việt, như: Có lời lẽ chửi bới xúc phạm bị cáo, đập đồ mâm cơm bị cáo đang ăn, làm ngã đồ xe máy, máy khâu, có hành vi tát và dùng ghế nhựa đánh vợ bị cáo, đá vào mông con bị cáo, cầm tô sành ném vợ bị cáo... Bị cáo đã cố kiềm chế,

nhặt cơm bị hắt đổ dưới đất tiếp tục ăn, đến khi bị hại dùng nón bảo hiểm đuổi đánh vợ bị cáo, bị cáo đã chạy theo để ngăn cản. Trên đường đi, bị cáo lấy dao chặt thịt chó chém bị hại gây thương tích. Diễn biến sự việc cho thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong trạng thái vô thức, không kiểm soát được hành động trước hành vi trái pháp luật của bị hại. Bị cáo hiện có con đang học sĩ quan quân đội, nếu bị cáo kịp suy nghĩ thì có thể bị cáo sẽ không hành động như vậy. Nếu đã có ý định tước đoạt tính mạng của bị hại thì với con dao trên tay bị cáo dễ dàng thực hiện chứ không dừng lại ở mức độ gây thương tích. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có bị kích động tinh thần, nhưng lại áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là chưa phù hợp. Hiện nay, pháp luật quy định chưa rõ mức độ bị kích động như thế nào được xem là tình tiết giảm nhẹ và bị kích động như thế nào được xem là tình tiết định tội. Tuy nhiên, trong vụ án này, yếu tố “bị kích động” áp dụng là tình tiết định tội theo Điều 105 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là phù hợp, vì hành vi trái pháp luật của bị hại là nghiêm trọng, đồng thời áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

Sau khi phạm tội, lời khai của bị cáo luôn thống nhất cho đến khi xét xử, trong khi, lời khai của bị hại có sự thay đổi. Lúc đầu bị hại thừa nhận hành vi tát vợ bị cáo nhưng sau đó lại không thừa nhận, nhằm mục đích có lợi cho mình và gây khó khăn cho công tác điều tra.

Về tỷ lệ thương tổn cơ thể của bị hại: Bị cáo gây ra thương tích cho bị hại, nhưng vết thương bị nhiễm trùng phải cắt lọc, ghép da nên việc buộc bị cáo chịu trách nhiệm toàn bộ tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại là chưa phù hợp. Ngoài ra, theo lời khai của bị hại và bị cáo thì vết thương rách phải của bị hại (1%) không phải do bị cáo gây ra, việc buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm vết thương này là chưa phù hợp.

Về xử lý tài sản của gia đình bị cáo bị thiệt hại trong vụ án: Cơ quan tố tụng đã tiến hành không đúng quy định của pháp luật, chưa xác định giá trị thiệt hại, đánh giá mức độ lỗi của bị hại để làm cơ sở giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa tội danh đối với bị cáo và xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo quy định tại khoản 1 Điều 105 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét về tội danh đối với bị cáo và xin được tại ngoại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, bản cáo trạng và

tại phiên tòa sơ thẩm như sau: Khoảng 20 giờ, ngày 20/4/2017, tại quán của gia đình bị cáo Nguyễn Văn T (địa chỉ: Khu phố 1B, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương), do bị hại Nguyễn Trọng H đã có hành vi làm đổ mâm cơm đang ăn của gia đình bị cáo, ném cái tô vào vợ bị cáo là Phạm Thị L1 và đuổi đánh bà Phạm Thị L1 nên bị cáo Nguyễn Văn T lấy 01 con dao bằng kim loại (loại dao dùng chặt thịt chó dài 50 cm) chém bị hại Nguyễn Trọng H 02 nhát: Một nhát vào vị trí vùng đầu sượt xuống cổ (sau gáy), Nguyễn Trọng H quay lại dùng mũ bảo hiểm giơ lên định đánh Nguyễn Văn T thì Nguyễn Văn T tiếp tục chém Nguyễn Trọng H gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 40%.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại tội danh, hình phạt đối với bị cáo nhưng bị cáo không cung cấp thêm chứng cứ tài liệu nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy, khi đến nhà bị cáo để giải quyết mâu thuẫn trong việc kinh doanh, bị hại Nguyễn Trọng H đã có những hành vi, như: Dùng mũ bảo hiểm đập xuống bàn, làm đổ mâm cơm của gia đình bị cáo đang ăn, đánh vợ của bị cáo, dùng tô sành ném vợ bị cáo, đá vào mông con bị cáo, đuổi đánh vợ bị cáo bằng mũ bảo hiểm.... Hành vi do bị hại thực hiện đối với bị cáo và người nhà bị cáo là trái pháp luật, gây bức xúc, ức chế về tâm lý đối với bị cáo. Tuy nhiên, qua lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi trái pháp luật do bị hại thực hiện chưa đến mức nghiêm trọng, bị cáo hoàn toàn có thể lựa chọn cách xử sự khác, để ngăn cản hoặc biểu lộ cảm xúc. Hành vi dùng dao chém bị hại gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể 40% do bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định xử phạt tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Bị cáo “bị kích động về tinh thần” trong lúc bị cáo thực hiện tội phạm, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Về tội danh và hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt 04 (bốn) năm tù đối với bị cáo, là tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị L1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Phạm Thị L1 là người có liên quan đến các khoản tiền bồi thường thay cho bị cáo, nhưng nội dung kháng cáo của bà chỉ đề nghị xem xét việc bị hại có hành vi đập phá tài sản gia đình bà. Xét thấy nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị L1 vượt quá quy định tại điểm g khoản 2 Điều 65 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Lẽ ra, sau khi tiếp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị L1, Tòa án cấp sơ thẩm phải giải thích pháp luật và trả lại đơn kháng cáo cho bà. Mặt khác, trong quá trình điều tra, sau khi tiếp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị L1, Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã T đã ban hành văn bản số 35/TLĐ-CQĐT ngày 28/11/2017, với nội dung trả lời: Không đủ căn cứ xác định ông

Nguyễn Trọng H có hành vi làm hư hỏng tài sản của bà Liên và bị cáo Nguyễn Văn T. Do đó, không có cơ sở xem xét kháng cáo của bà Phạm Thị L1.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T không có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về áp dụng pháp luật:

- Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có hiệu lực pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để quyết định hình phạt đối với bị cáo là không đúng với hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) gây bất lợi cho bị cáo. Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định đối với tội “Cố ý gây thương tích” mức hình phạt thấp hơn so với khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo đã tự thú sau khi thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại là không phù hợp. Trường hợp này chỉ có thể xem là trường hợp đầu thú, được xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Nguyễn Trọng H: Bị cáo thừa nhận đã dùng dao chém bị hại hai nhát, gây ra vết thương vùng cổ sau gáy và vết thương bàn tay trái của bị hại. Riêng vết thương ở nách phải bị hại (1%) bị cáo không thừa nhận đã gây ra. Lời khai của bị cáo phù hợp lời trình bày của bị hại tại phiên tòa, nên bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm đối với tỷ lệ tổn thương cơ thể 40% ở bị hại.

Về áp dụng pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót nhất định, tuy nhiên khung hình phạt và mức hình phạt là tương xứng, phù hợp với tính chất hành vi của người phạm tội. Nên Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2018/HS-ST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 15/6/2015 đến ngày 24/6/2015 và từ ngày 07/4/2016 đến ngày 06/5/2016.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng.

3/ Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|---|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thị xã T; | 2 |
| - VKSND thị xã T; | 1 |
| - Chi cục THADS thị xã T; | 1 |
| - PNguyễn Trọng H PV27 - Công an | 1 |
| tỉnh BD; | 1 |
| - Công an thị xã T; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | |
| - Bị cáo, người có quyền lợi liên quan, | 5 |
| bị hại, luật sư bào chữa cho bị cáo. | 3 |
| - Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS. | |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Luông